

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**
Bản án số: 66/2025/HNGĐ-ST
Ngày 23/4/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Linh, ông Bùi Văn Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Nga, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà [Phạm Thị H](#), Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 204/2024/TLST-HNGĐ, ngày 29/10/2024 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2025/QĐ-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025;

- Nguyên đơn: Chị [Nguyễn Thị Y](#), sinh năm 1995; địa chỉ: [Xóm D, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An](#).

- Bị đơn: Anh [Hò Viết B](#), sinh năm 1992; NĐKNK trước khi xuất cảnh: [Xóm T, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh](#); Hiện đang xuất khẩu lao động tại Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị [Nguyễn Thị Y](#) trình bày:

- Về hôn nhân: Chị [Nguyễn Thị Y](#) và anh [Hò Viết B](#) đăng ký kết hôn với nhau ngày 07 tháng 01 năm 2013 tại [Ủy ban nhân dân xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh](#) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh [B](#) được khoảng 01 năm thì ra ở riêng cũng trong vườn ông bà. Đến khoảng cuối năm 2014, vợ chồng cùng đi xuất khẩu lao động ở Thái Lan. Tình cảm vợ chồng ngay từ ngày mới sinh con – cuối năm 2013 đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, anh [B](#) thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình với chị [Y](#). Đến năm 2015, vợ chồng chính thức ly thân, con gửi ông bà nội, chị [Y](#) vẫn ở Thái Lan còn anh [B](#) về nước học tiếng đến năm 2017 thì xuất khẩu sang Đài Loan đến nay. Còn chị [Y](#)

vẫn ở Thái Lan đến năm 2018 mới về Việt Nam và sinh sống ở nhà mẹ đẻ. Hiện tại, chị Y xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã hết sức trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, chị Y đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hồ Viết B.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Hồ Viết Đ, sinh ngày 30/12/2013. Nguyên vọng của chị Y khi ly hôn là đề nghị Tòa án giao con chung cho anh Hồ Viết B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời gian anh B không có mặt tại Việt Nam, chị Y thống nhất giao cháu Đ cho bố mẹ đẻ anh B là ông Hồ Viết L và bà Trần Thị L1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đ trong thời gian anh B không có mặt tại Việt Nam;

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Hồ Viết B do đang xuất khẩu lao động ở Đài Loan, chị H1 đã lâu không liên lạc nên không nắm rõ được địa chỉ cụ thể của anh B. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và gia đình anh B nhưng chính quyền địa phương cũng như gia đình anh B đều không nắm rõ được địa chỉ cụ thể của anh B. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã thực hiện thủ tục đăng tin trên Đ1 theo quy định đề thông báo cho anh B biết các thông tin vụ án cũng như thời gian làm việc. Tuy nhiên, đến nay, anh B vẫn không có mặt để làm việc trình bày quan điểm tại Tòa án.

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến tại phiên toà hôm nay: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại các Điều 28, 37, 48, 49, 51, 196, 227, 469, 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền trình tự thủ tục thu thập chứng cứ đúng pháp luật. Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ kịp thời chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án và đã có đầy đủ lời khai tại hồ sơ. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng, yêu cầu trình bày quan điểm về nội dung khởi kiện của nguyên đơn; thông báo trên V về việc chị Y nộp đơn khởi kiện gửi tài liệu, chứng cứ, trình bày ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án nhưng không thực hiện

- Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, Điều 464, 469 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, 56, 57, 123 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao; Điều 143, khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 xử:

- Cho chị Nguyễn Thị Y được ly hôn anh Hồ Viết B.

- Về con chung: Giao con chung cháu [Hồ Viết Đ](#) cho anh [Hồ Viết B](#) được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, trong thời gian anh [B](#) đang ở nước ngoài giao cháu [Viết Đ](#) cho ông [Hồ Viết L](#) và bà [Trần Thị L1](#) được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi anh [B](#) về nước. Chị [Y](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị [Nguyễn Thị Y](#) khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và giải quyết vấn đề nuôi con; anh [Hồ Viết B](#) có đăng ký hộ khẩu thường trú tại [xóm T, xã T, thành phố H](#). Tại thời điểm thụ lý vụ án, anh [Hồ Viết B](#) đang xuất khẩu lao động tại Nhật Bản theo xác nhận tại Công văn số 1171 QLXNC-Đ1 ngày 19/11/2024 của [Phòng Q Công an tỉnh H](#) nên việc Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án do điều kiện công việc nên chị [Y](#) yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử và ủy quyền cho chị [Nguyễn Thị N](#); địa chỉ: [K, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An](#) giao nhận văn bản, tài liệu của Tòa án. Đối với anh [Hồ Viết B](#), chị [Y](#) đã cung cấp đúng đầy đủ nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh nhưng không cung cấp được địa chỉ cụ thể ở nước ngoài của anh [B](#); tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương, và gia đình anh [B](#) nhưng gia đình anh [B](#) cũng như chính quyền địa phương không cung cấp được địa chỉ; HĐXX xác định đây thuộc trường hợp cố tình dấu địa chỉ. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ- HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị [Nguyễn Thị Y](#) và anh [Hồ Viết B](#) theo thủ tục chung.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về quan hệ tình cảm*: Chị [Nguyễn Thị Y](#) và anh [Hồ Viết B](#) kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc, đảm bảo điều kiện kết hôn và đăng ký đúng quy định của pháp luật, do đó có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, chị [Y](#) khẳng định: Cuộc sống chung vợ chồng anh chị ngay từ khi mới sinh con đã bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, do anh [B](#) thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình với chị [Y](#) và vợ chồng đã ly thân từ năm 2015. Xét thấy, vợ chồng chị [Y](#), anh [B](#) đã không còn sống chung với nhau, ly thân từ năm 2015 đến nay nên việc duy trì hôn nhân giữa chị [Y](#) và anh [B](#) là không có ý nghĩa, do vậy, HĐXX có đủ cơ sở chấp nhận giải quyết cho chị [Nguyễn Thị Y](#) và anh [Hồ](#)

Viết B được ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Xét ý chí, nguyện vọng của chị Nguyễn Thị Y trong việc giao con chung cho anh Hồ Viết B là chính đáng. Xét điều kiện hoàn cảnh cháu Đ đã sinh sống với ông bà nội là Hồ Viết L và Trần Thị L1 từ khi chị Y và anh B đi xuất khẩu lao động đến nay; ông bà đã luôn đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đ được ăn học, phát triển ổn định. Anh Hồ Viết B mặc dù không có ý kiến trình bày nhưng ông Hồ Viết L và bà Trần Thị L1- bố mẹ đẻ anh B đã có đơn cam đoan sẽ chịu trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ trong thời gian anh B không có mặt tại Việt Nam. Vì vậy, HĐXX nhận định cần thiết phải giao con chung Hồ Viết Đ, sinh ngày 30/12/2013 cho anh Hồ Viết B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Trong thời gian anh B không có mặt tại Việt Nam, bố mẹ đẻ anh B là ông Hồ Viết L và bà Trần Thị L1 chịu trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hồ Viết Đ thay anh B.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

[2.3] *Về tài sản chung*: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Y tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật

Vị các B'nh:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 227, Điều 273, Điều 469, 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57; các Điều 81, 82, 83, 123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS; Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao xử:

1. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Y được ly hôn anh Hồ Viết B

2. *Về con chung*: Giao con chung Hồ Viết Đ, sinh ngày 30/12/2013 cho anh Hồ Viết B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. (ông Hồ Viết L và bà Trần Thị L1 chịu trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hồ Viết Đ trong thời gian anh B không có mặt tại Việt Nam). Chị Nguyễn Thị Y được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm. Chị Y không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nên miễn xét.

3. *Về tài sản chung*: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Y tự nguyện nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Tính trừ cho chị Y trong số tiền 300.000 đồng tiền

tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000145, ngày 25/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

5. *Về quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt bị đơn, vắng mặt nguyên đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án (hoặc ngày niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật).

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THSDS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND phường Thạch Hưng;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Lệ Thu